

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST

Ngày 14/10/2019

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Sửu - Cán bộ hưu.

Bà Nguyễn Thị Bích- Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sơn- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 14/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 56/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/9/2019, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 383/TB-TA ngày 23/9/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Dương Hữu H, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: thôn 8, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn:** Chị Trần Thị Q, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Lao động tại nước ngoài, đã về Việt Nam cư trú.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của anh H: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: số nhà 09, ngõ 389, đường L, thành phố B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Dương Hữu H trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Tôi và chị Trần Thị Q kết hôn ngày 10/6/2009 tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chúng tôi được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung. Chị Q bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến năm 2014 thì đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan không thông báo cho tôi biết. Tôi đã cố gắng liên lạc tìm địa chỉ của chị Q nhưng bị chị Q và gia đình từ chối. Giữa tôi và chị Q không còn tình cảm, không quan tâm, không có trách nhiệm và không tin tưởng nhau nữa. Gia đình hai bên có khuyên giải nhưng mâu thuẫn không khắc phục được. Nay tôi xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Trần Thị Q.

- Về con chung : Vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Gia Đ, sinh ngày 16/7/2009. Ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Trần Thị Q đang lao động ở nước ngoài đã về Việt Nam cư trú. Quá trình làm việc với Tòa án chị Q trình bày: Về việc kết hôn và quá trình chung sống như anh H trình bày là đúng.

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn anh H do sống không có tiếng nói chung, không có trách nhiệm với gia đình vợ con.

- Về con chung: Có 1 con chung là Dương Gia Đ, sinh ngày 16/7/2009 hiện đang ở với tôi, ly hôn tôi đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: không có.

* Tại đơn trình bày nguyện vọng cháu Dương Gia Đ, sinh ngày 16/7/2009 trình bày: Cháu đang ở với mẹ , phát triển bình thường. Bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Dương Hữu H, chị Trần Thị Q xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và giải quyết nuôi con

chung. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) giải quyết cho anh H được ly hôn chị Q. Về con chung: Giao con chung là cháu Dương Gia Đ, sinh ngày 16/7/2009 cho chị Q nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Q không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Tài sản chung, công nợ: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Dương Hữu H là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn chị Trần Thị Q là công dân Việt Nam, đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu Phố, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng đang lao động, cư trú tại nước ngoài (Đài Loan). Anh H không yêu cầu giải quyết về con chung nhưng chị Q và đề nghị giải quyết nuôi con chung khi ly hôn. Căn cứ công văn số: 5187/A08-P5 ngày 03/4/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị Trần Thị Q đã xuất cảnh ra nước ngoài từ ngày 31/10/2016, chưa thấy nhập cảnh về Việt Nam. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Q đã về Việt Nam cư trú. Tuy nhiên căn cứ Điều 471- Bộ luật Tố Tụng dân sự thì không thay đổi thẩm quyền giải quyết vụ án của TAND tỉnh Bắc Giang.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh Dương Hữu H, chị Trần Thị Q vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX thấy quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã có quan điểm cung cấp cho Tòa án, việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Anh Dương Hữu H, chị Trần Thị Q kết hôn ngày 10/6/2009 tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chúng tôi được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung. Chị Q bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó, đến năm 2014 thì đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa. Nay anh H xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Q. Chị Q đã về Việt Nam và đến Tòa án làm việc, đồng ý ly hôn với anh H.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: từ năm 2010 đến nay thì anh H, chị Q đã phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân với nhau đến nay. Giữa anh H và chị Q không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả anh H và chị Q đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Dương Hữu H và chị Trần Thị Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Dương Hữu H được ly hôn chị Trần Thị Q.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Anh Dương Hữu H và chị Trần Thị Q có 01 con chung là cháu Dương Gia Đ, sinh ngày 16/7/2009. Hiện nay con chung đang ở với chị Q. Sau khi ly hôn chị Q đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

[4.2]. HĐXX thấy: Chị Trần Thị Q có nguyện vọng nuôi con chung và có đầy đủ điều kiện nuôi con chung. Con chung vẫn còn nhỏ cần sự trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trực tiếp của bố, mẹ. Theo nguyện vọng của cháu Dương Gia Đ thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy để đảm bảo quyền

lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Dương Gia Đ, sinh ngày 16/7/2009. Anh Hùng không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Q không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: anh H, chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh Dương Hữu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; Điều 471; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Anh Dương Hữu H được ly hôn chị Trần Thị Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Dương Gia Đ, sinh ngày 16/7/2009. Anh Dương Hữu H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Trần Thị Q không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: anh Dương Hữu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số

AA/2018/0000288 ngày 26/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhân:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND thị trấn L, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng